

Số: 295/2024/CBTT-HHC

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

- Mã chứng khoán: HHC
- Địa chỉ trụ sở chính: 25-27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
- Điện thoại: 024 3863 2956 Fax: 024 3863 8730
- Email: Website: <http://www.haihaco.com.vn/>

2. Nội dung công bố:

- BCTC bán niên năm 2024:

- BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán trong năm 2024):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại:

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Hà Nội, tháng 08 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo Pháp luật
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/02/2024)
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08/07/2024)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Hoàng Hùng
Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Số: 179/2024/BCSX-ÁVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà được lập ngày 28/08/2024, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại Thuyết minh số 10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 30/06/2024, số dư khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác liên quan đến các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty và các đối tác với số tiền khoảng 1.149 tỷ đồng (chiếm 71,57% tổng tài sản) để thực hiện các dự án trong các lĩnh vực khác nhau. Công ty và các đối tác đang tiếp tục triển khai và thực hiện các dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Lợi nhuận Công ty được chia từ các hợp đồng này trong 6 tháng đầu năm 2024 khoảng 70,93 tỷ đồng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên TTCK cũng như thực hiện trách nhiệm giám sát tiến độ và hiệu quả của các hoạt động hợp tác kinh doanh và đánh giá không có bất kỳ tổn thất tài chính nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh của doanh nghiệp tại ngày 30/06/2024.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Thương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

MẪU SỐ B01a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.369.430.978.423	1.416.313.432.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.115.027.231	11.713.871.251
1. Tiền	111	5	16.115.027.231	11.713.871.251
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.281.279.564.465	1.308.771.385.970
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	97.011.719.608	120.524.720.152
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.774.983.188	122.611.477.640
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.180.492.861.669	1.065.635.188.178
III. Hàng tồn kho	140		71.598.841.313	95.267.878.393
1. Hàng tồn kho	141	8	71.598.841.313	95.267.878.393
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		437.545.414	560.296.700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	123.608.790	247.207.286
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.840.151	16.992.941
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	296.096.473	296.096.473
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		236.077.381.769	334.814.766.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.856.226.975	135.356.226.975
1 Phải thu dài hạn khác	216	10	45.856.226.975	135.356.226.975
II. Tài sản cố định	220		145.610.632.806	153.361.179.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221		144.996.228.528	152.572.338.551
- Nguyên giá	222	11	414.814.166.104	423.567.849.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(269.817.937.576)	(270.995.510.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227		614.404.278	788.840.826
- Nguyên giá	228		1.242.819.280	1.242.819.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(628.415.002)	(453.978.454)
III. Tài sản dài hạn khác	260		44.610.521.988	46.097.359.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	44.610.521.988	46.097.359.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.605.508.360.192	1.751.128.198.532

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

MÃ SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		986.082.133.089	1.151.652.927.747
I. Nợ ngắn hạn	310		984.153.620.224	1.150.148.374.882
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	20.829.980.293	80.876.387.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.916.046.128	120.906.090.907
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.178.615.923	10.657.016.019
4. Phải trả người lao động	314		7.765.129.111	19.522.080.288
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	6.493.124.068	7.983.444.804
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.343.001.813	355.803.480
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	765.193.845.745	750.328.216.099
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	166.994.130.860	149.372.349.878
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.439.746.283	10.146.985.952
II. Nợ dài hạn	330		1.928.512.865	1.504.552.865
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	1.928.512.865	1.504.552.865
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		619.426.227.103	599.475.270.785
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	619.426.227.103	599.475.270.785
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		392.785.590.599	345.688.716.262
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.231.524.204	52.377.442.223
- LNST chưa PPLK đến cuối kỳ trước	421a		2.801.785.026	2.801.785.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.429.739.178	49.575.657.197
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.605.508.360.192	1.751.128.198.532

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập

Lê Trần Hồng Trinh

Phụ trách phòng Tài vụ

Vũ Xuân Thành

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

MẪU SỐ B02a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	358.468.445.309	391.592.461.424
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	16.933.562.274	23.084.537.530
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	341.534.883.035	368.507.923.894
4. Giá vốn hàng bán	11	21	266.833.666.076	303.581.104.909
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.701.216.959	64.926.818.985
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	71.653.695.294	22.242.811.956
7. Chi phí tài chính	22	23	53.588.730.525	12.641.422.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.542.923.283	12.548.494.474
8. Chi phí bán hàng	25	24	45.092.279.627	34.000.704.410
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.830.494.596	23.227.314.326
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.843.407.505	17.300.190.039
11. Thu nhập khác	31		26.482.294	392.082.173
12. Chi phí khác	32		656.813.426	122.433.884
13. Lợi nhuận khác	40		(630.331.132)	269.648.289
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.213.076.373	17.569.838.328
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.783.337.195	3.697.465.656
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.429.739.178	13.872.372.672
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.366	845

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập



Lê Trần Hồng Trinh

Phụ trách phòng Tài vụ



Vũ Xuân Thành

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này		Kỳ so sánh	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.213.076.373		17.569.838.328	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.530.643.146		8.500.708.324	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(154.734.511)		(70.971.956)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70.403.117.124)		(22.190.225.385)	
- Chi phí lãi vay	06	53.542.923.283		12.548.494.474	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	19.728.791.167		16.357.843.785	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	142.630.653.120		221.877.750.202	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.669.037.080		6.752.987.654	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(196.713.421.693)		(305.866.147.451)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.610.436.374		(1.753.213.799)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.483.804.726)		(14.064.169.478)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.614.938.648)		(9.859.917.260)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(186.022.529)		(72.246.200)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(57.359.269.855)		(86.627.112.547)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.310.490.000)		(1.436.619.280)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-		104.545.455	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-		(89.500.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-		87.000.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.310.891.809		20.530.480.890	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44.000.401.809		16.698.407.065	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ đi vay	33	284.917.342.819		288.843.235.895	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(267.295.561.837)		(230.612.879.632)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.621.780.982		58.230.356.263	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.262.912.936		(11.698.349.219)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.713.871.251		18.391.796.229	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	138.243.044		24.463.227	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.115.027.231		6.717.910.237	

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập

Lê Trần Hồng Trinh

Phụ trách phòng Tài vụ

Vũ Xuân Thành

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 8 ngày 06/04/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHC.

Số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 954 người (tại ngày 31/12/2023 là 1.071 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến luồng tiền).

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở cộng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và báo cáo tài chính của các Chi nhánh có tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ số dư các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và chi phí và các khoản điều chuyển nội bộ.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên và các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

4.6. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế. Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận hạch toán là nợ phải trả.

Đối với trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông

tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác, trong đó:

- Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê.
- Chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp thực tế của cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; lãi từ các khoản đầu tư; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá...

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán; lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

4.16. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Công ty chưa trình bày các thuyết minh liên quan đến công cụ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	159.680.595	83.929.481
Tiền gửi ngân hàng	15.955.346.636	11.629.941.770
Cộng	<u>16.115.027.231</u>	<u>11.713.871.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
IMPACT Co., Ltd (Shine Win Trading)	278.086.400	3.778.149.954
Công ty Cổ phần ACI Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tamba	12.725.779.780	12.725.779.780
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	44.140.201.039	38.727.085.322
Các khách hàng khác	29.867.652.389	55.293.705.096
Cộng	<u>97.011.719.608</u>	<u>120.524.720.152</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Thiên Thanh	2.847.013.603	121.649.863.082
Các nhà cung cấp khác	927.969.585	961.614.558
Cộng	<u>3.774.983.188</u>	<u>122.611.477.640</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2024</u>		<u>01/01/2024</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	79.244.601	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.034.299.701	-	40.945.809.187	-
Công cụ, dụng cụ	102.057.985	-	98.882.897	-
Thành phẩm	29.545.721.742	-	48.620.047.509	-
Hàng hoá	6.837.517.284	-	5.603.138.800	-
Cộng	<u>71.598.841.313</u>	<u>-</u>	<u>95.267.878.393</u>	<u>-</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	123.608.790	247.207.286
Chi phí bảo hiểm	104.295.803	246.207.283
Các khoản khác	19.312.987	1.000.003
Dài hạn	44.610.521.988	46.097.359.866
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	40.821.101.767	41.451.465.337
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.100.736.482	2.141.360.952
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	252.525.237	555.555.543
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.436.158.502	1.948.978.034
Cộng	<u>44.734.130.778</u>	<u>46.344.567.152</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.180.492.861.669	-	1.065.635.188.178	-
Tạm ứng	24.117.026.877	-	24.084.589.043	-
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (1)	917.582.000.000	-	917.582.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh (2)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh (3)	59.000.000.000	-	59.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (5)	89.500.000.000	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi, hợp tác đầu tư	49.957.765.343	-	24.335.146.603	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (1)	49.957.765.343	-	24.335.146.603	-
Các khoản phải thu khác	336.069.449	-	633.452.532	-
Dài hạn	45.856.226.975	-	135.356.226.975	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (5)	-	-	89.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát triển Zeta (4)	43.000.000.000	-	43.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.856.226.975	-	2.856.226.975	-
Cộng	1.226.349.088.644	-	1.200.991.415.153	-

- Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA bao gồm khoản gốc và lãi theo các hợp đồng hợp tác đầu tư và các phụ lục hợp đồng về việc góp vốn trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng, phát triển chuỗi nhà hàng, mức lãi được chia cho Hải Hà được quy định trong từng hợp đồng dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.06/2021/HTĐT/QA-HHC ngày 15/06/2021 với Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh về việc hợp tác góp vốn thực hiện dự án "Trồng trà Oolong chất lượng cao" tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (không thành lập pháp nhân mới) do Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh thực hiện. Thời gian hợp tác là 24 tháng và tự động gia hạn thêm 12 tháng tiếp theo trong trường hợp hai bên vẫn có nhu cầu hợp tác đầu tư. Mức lợi nhuận được chi trả cho Hải Hà từ việc hợp tác là 10,5%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Trong kỳ, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 23.12.2021/HTĐT/HT-HH ngày 23/12/2021 với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Hưng Thịnh về việc góp vốn không thành lập pháp nhân mới thực hiện dự án "Sân tập golf Thạch Cầu" tại Long Biên, Hà Nội. Thời gian hợp tác là 24 tháng và đã được gia hạn đến ngày 27/12/2024. Lợi nhuận từ việc hợp tác là 9,95%/năm trên số tiền góp vốn. Trong kỳ, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 21122021/HĐHTĐT/HHC-ZETA ngày 21/12/2021 và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 12/12/2023 với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ZETA về việc góp vốn đầu tư để mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp có thời hạn còn lại từ 2-3 năm. Thời gian hợp tác là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và đã được gia hạn thêm 24 tháng, lợi nhuận từ việc hợp tác là 9,95%/năm dựa trên số tiền Công ty đã góp vốn. Trong kỳ, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1303/2023/HĐHTĐT/QAQT-HHC ngày 13/03/2023 với Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị về việc góp vốn đầu tư để cùng khai thác kinh doanh Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá tại xã Vĩnh Chấp và xã Vĩnh Linh, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị do Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị làm chủ đầu tư. Thời gian hợp tác là 24 tháng và lợi nhuận từ việc hợp tác là 12,65%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn. Trong kỳ, Công ty đã thu được toàn bộ khoản lợi tức phát sinh tương ứng.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các qui định của pháp luật về công bố thông tin trên TTCK cũng như thực hiện trách nhiệm giám sát tiến độ và hiệu quả của các hoạt động hợp tác kinh doanh và đánh giá không có bất kỳ tổn thất tài chính nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh của doanh nghiệp tại ngày 30/06/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	153.342.171.638	249.863.263.433	20.054.133.615	308.280.763	423.567.849.449
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	1.310.490.000	1.310.490.000
Giảm khác (*)	-	(10.005.373.345)	-	(58.800.000)	(10.064.173.345)
Tại ngày 30/06/2024	153.342.171.638	239.857.890.088	20.054.133.615	1.559.970.763	414.814.166.104
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	77.945.725.674	176.396.618.316	16.358.477.750	294.689.158	270.995.510.898
Khấu hao trong kỳ	2.422.711.901	5.384.523.204	451.668.282	97.303.211	8.356.206.598
Giảm khác (*)	-	(9.474.979.920)	-	(58.800.000)	(9.533.779.920)
Tại ngày 30/06/2024	80.368.437.575	172.306.161.600	16.810.146.032	333.192.369	269.817.937.576
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	75.396.445.964	73.466.645.117	3.695.655.865	13.591.605	152.572.338.551
Tại ngày 30/06/2024	72.973.734.063	67.551.728.488	3.243.987.583	1.226.778.394	144.996.228.528
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	48.009.652.325	107.941.322.514	11.660.343.446	138.507.273	167.749.825.558

(*) Trong kỳ, Công ty thực hiện tháo dỡ một số tài sản cố định không còn sử dụng để tận dụng vật tư, phụ tùng và thanh lý phế liệu thu hồi.

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (chi tiết xem tại Thuyết minh số 14).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	13.770.726.586	13.770.726.586	70.685.386.158	70.685.386.158
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	7.059.253.707	7.059.253.707	10.191.001.297	10.191.001.297
Cộng	20.829.980.293	20.829.980.293	80.876.387.455	80.876.387.455

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộp trong kỳ VND		Số đã nộp trong kỳ VND		30/06/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.590.569.354	7.628.224.943	9.556.564.303	662.229.994				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(7.560.322)	224.398.322	224.398.322	(7.560.322)				
Thuế xuất, nhập khẩu	(288.536.151)	-	-	(288.536.151)				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.141.166.660	5.783.337.195	9.614.938.648	309.565.207				
Thuế thu nhập cá nhân	100.227.614	403.883.471	424.458.497	79.652.588				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.822.852.431	3.896.624.934	7.594.509.191	124.968.174				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.199.960	29.000.000	29.000.000	2.199.960				
Cộng	10.360.919.546	17.965.468.865	27.443.868.961	882.519.450				

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước

296.096.473

296.096.473

Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

10.657.016.019

1.178.615.923

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ **MẪU SỐ B09a - DN**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY NGẮN HẠN, DÀI HẠN

	01/01/2024		Trong năm		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (1)	80.255.006.152	80.255.006.152	195.393.948.478	168.073.273.508	107.575.681.122	107.575.681.122
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	64.959.022.135	64.959.022.135	89.523.394.341	95.065.966.738	59.416.449.738	59.416.449.738
Vay cá nhân	2.000.000	2.000.000	-	-	2.000.000	2.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	4.156.321.591	4.156.321.591	-	4.156.321.591	-	-
Cộng	149.372.349.878	149.372.349.878	284.917.342.819	267.295.561.837	166.994.130.860	166.994.130.860

Thông tin về các hợp đồng vay của Công ty như sau:

Khoản vay	Hợp đồng vay	Mục đích vay	Hạn mức (tỷ VND)	Thời hạn	Lãi suất tại 30/06/2024	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	Số 2020225055597 ngày 06/07/2021 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng	Bổ sung vốn lưu động	300	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/08/2024 Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân	7,5% - 7,9%	Công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Số 210417.24.051.33450.TD ngày 10/06/2024	Bổ sung vốn lưu động	100	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 06/05/2025 Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân	6,0% - 7,38%	Bất động sản là Văn phòng chi nhánh Đà Nẵng tại 134A, phường Thạch Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Mesa Health	-	118.802.849.479
Các khách hàng khác	1.916.046.128	2.103.241.428
Cộng	<u>1.916.046.128</u>	<u>120.906.090.907</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	468.918.777	423.295.398
Chi phí vận chuyển	551.620.630	406.664.725
Chi phí bán hàng	1.253.328.116	1.586.184.596
Chi phí quảng cáo	-	1.279.072.649
Chi phí khác	4.219.256.545	4.288.227.436
Cộng	<u>6.493.124.068</u>	<u>7.983.444.804</u>

17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	765.193.845.745	750.328.216.099
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	3.131.295.878	2.914.347.520
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.000.000	106.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.436.912.750	16.436.912.750
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh (*)	745.175.902.055	730.162.406.877
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	343.735.062	708.548.952
Dài hạn	1.928.512.865	1.504.552.865
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.928.512.865	1.504.552.865
Cộng	<u>767.122.358.610</u>	<u>751.832.768.964</u>

(*) Số dư phải trả Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh bao gồm tiền gốc 705.882.000.000 đồng và tiền lãi 39.293.902.055 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2809/HĐHTĐT/LM-HH ngày 30/09/2023 về việc góp vốn hợp trong lĩnh vực phân phối sản phẩm bánh kẹo do Hải Hà sản xuất. Thời gian hợp tác là 12 tháng và lợi nhuận từ việc hợp tác là 13,5%/năm trên số tiền Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lưu Minh đã góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

MẪU SỐ B09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	295.541.618.588	55.588.203.630	552.538.934.518
Lãi trong năm	-	-	-	-	49.575.657.197	49.575.657.197
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	50.147.097.674	(52.786.418.604)	(2.639.320.930)
Tại ngày 01/01/2024	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	345.688.716.262	52.377.442.223	599.475.270.785
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	22.429.739.178	22.429.739.178
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	47.096.874.337	(49.575.657.197)	(2.478.782.860)
Tại ngày 30/06/2024	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	392.785.590.599	25.231.524.204	619.426.227.103

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 27/04/2024 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 47.096.874.337 đồng; trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 2.478.782.860 đồng.

Chi tiết cổ đông lớn của Công ty

	30/06/2024		01/01/2024	
	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ
Ông Lưu Văn Vứ	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Bà Trương Thị Bửu	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Các cổ đông khác	8.541.000	52,00%	8.541.000	52,00%
Cộng	16.425.000	100,00%	16.425.000	100,00%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu		

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2024	01/01/2024
- Đô la Mỹ (USD)	292.350,76	155.587,87

20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	348.029.876.178	303.642.469.733
Doanh thu bán hàng hóa	4.539.028.734	79.518.302.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	5.899.540.397	8.431.689.609
Cộng	358.468.445.309	391.592.461.424
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	14.049.292.089	13.855.759.318
- Hàng bán bị trả lại	2.884.270.185	9.228.778.212
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.534.883.035	368.507.923.894

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Giá vốn thành phẩm	264.578.313.460	224.445.706.016
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.255.352.616	79.135.398.893
Cộng	266.833.666.076	303.581.104.909

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi hợp tác đầu tư	70.933.510.549	22.085.679.930
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	565.450.234	86.160.070
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	154.734.511	70.971.956
Cộng	71.653.695.294	22.242.811.956

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư phải trả	53.542.923.283	12.548.494.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	45.807.242	92.927.692
Cộng	53.588.730.525	12.641.422.166

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí bán hàng	45.092.279.627	34.000.704.410
Chi phí nhân viên bán hàng	27.849.563.583	20.735.846.078
Chi phí vật liệu, bao bì	821.764.843	301.751.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.850.766	191.265.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.377.825.427	11.232.518.336
Chi phí khác	1.804.275.008	1.539.322.952
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.830.494.596	23.227.314.326
Chi phí nhân viên quản lý	6.081.183.140	6.895.271.738
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	175.783.350	178.381.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	363.232.756	189.610.066
Thuế, phí và lệ phí	3.905.624.934	5.352.486.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.219.864.907	10.163.484.363
Chi phí khác	84.805.509	448.080.820
Cộng	63.922.774.223	57.228.018.736

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.831.577.962	201.215.705.089
Chi phí nhân công	61.957.422.798	57.493.795.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.600.466.066	8.500.708.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.046.515.204	29.755.825.612
Chi phí khác	5.794.705.451	7.339.889.787
Cộng	317.230.687.480	304.305.924.312

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	28.213.076.373	17.569.838.328
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	703.609.601	917.489.951
Thu nhập chịu thuế	28.916.685.974	18.487.328.279
Thuế suất	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.783.337.195	3.697.465.656

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ so sánh
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.429.739.178	13.872.372.672
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.429.739.178	13.872.372.672
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.425.000	16.425.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.366	845

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan

Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	22.000.000
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT	60.000.000	22.000.000
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên HĐQT	60.000.000	22.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT	60.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	120.615.385	-
Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	381.846.154	-
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	105.410.370	408.232.515
Cộng		847.871.909	496.232.515

(*) Thù lao của Hội đồng quản trị chi trả trong kỳ là thù lao Hội đồng quản trị năm 2023 theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 27/04/2024.

29. THÔNG TIN KHÁC

Thù lao của Ban kiểm soát Công ty đã chi trả trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ so sánh
		VND	VND
Ông Đinh Nho Liêm	Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	66.000.000
Ông Đinh Thị Thanh Tâm	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	22.000.000
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	22.000.000
Cộng		90.000.000	110.000.000

(*) Thù lao của Ban kiểm soát chi trả trong kỳ là thù lao Ban kiểm soát năm 2023 theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 27/04/2024.

30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Người lập



Lê Trần Hồng Trinh

Phụ trách phòng Tài vụ



Vũ Xuân Thành

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Hùng